

Số: 40a/BC-THCSNN

Đức Phố, ngày 30 tháng 05 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **Năm học 2025-2026**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THCS Nguyễn Nghiêm

2. Địa chỉ trụ sở chính: Tổ dân phố 4, Phường Đức Phố

Điện thoại: 0384742719

Địa chỉ thư điện tử: c2nguyennghiem.quangngai@moet.edu.vn

Cổng thông tin điện tử: <https://c2nguyennghiem-ducpho.quangngai.edu.vn/>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

a, Sứ mệnh

Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện, dân chủ và kỉ cương; học sinh được phát huy được phát huy tối đa khả năng, phát triển toàn diện. Giáo dục học sinh “Học để làm người công dân tốt, có đầy đủ kĩ năng để thích ứng với đô thị thông minh và quá trình hội nhập quốc tế”; “Học để làm con hiếu thảo, có trách nhiệm, xây dựng gia đình hạnh phúc”; “Học để đổi mới sáng tạo góp phần bảo vệ, xây dựng quê hương, đất nước hùng cường thịnh vượng”.

b, Tầm nhìn

Xây dựng Trường Trung học cơ sở Nguyễn Nghiêm, phường Đức Phố thành một điểm sáng về chất lượng giáo dục toàn diện; nơi thu hút học sinh lựa chọn để học sinh học tập, rèn luyện; nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn lên. Nhà trường trở thành Trung tâm văn hóa của Phường Đức Phố.

c, Mục tiêu chiến lược

Xây dựng môi trường sư phạm văn minh, an toàn, thân thiện:

- Đối với học sinh, tiếp tục phát triển những phẩm chất, năng lực, kỹ năng, năng khiếu cần thiết đối với học sinh; ý thức và nhân cách công dân, ý thức học tập, khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp. Nâng cao chất lượng học ngoại ngữ

trong nhà trường và nâng cao năng lực, kỹ năng ứng dụng tin học cho học sinh theo định hướng chuẩn quốc tế.

- Đối với giáo viên, đổi mới hoạt động sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn để đáp ứng thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Bảo đảm năng lực ngoại ngữ và năng lực sư phạm của 100% đội ngũ giáo viên ngoại ngữ. Biết tổ chức hoạt động học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh; tổ chức và hướng dẫn học sinh thực hiện các hoạt động trải nghiệm, rèn kỹ năng sống và bước đầu hướng dẫn cho học sinh nghiên cứu khoa học kỹ thuật thông qua dạy học STEM.

- Đối với cha mẹ học sinh, đẩy mạnh mối quan hệ phối hợp giữa cha mẹ học sinh, các tổ chức đoàn thể tại địa phương với nhà trường trong việc giáo dục đạo đức cho học sinh, xây dựng văn hóa ứng xử, trường học an toàn và đặc biệt là phối hợp quản lý giờ tự học của học sinh.

- Khai thác triệt để, bảo quản và sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị và công nghệ sẵn có kết hợp việc phát động làm thêm đồ dùng, mua sắm trang bị, thêm thiết bị đồ dùng còn thiếu, bảo quản tu sửa nhỏ thiết bị đồ dùng giúp nâng cao chất lượng hiệu quả dạy học đáp ứng yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Bổ sung các hạng mục còn thiếu về cơ sở vật chất, thiết bị và công nghệ đảm bảo đạt chuẩn theo quy định.

d, Mục tiêu cụ thể

d.1. Mục tiêu ngắn hạn

- Năm học 2021-2022, Trường THCS Nguyễn Nghiêm ổn định chất lượng đại trà, nâng cao chất lượng mũi nhọn (giáo viên dạy giỏi, học sinh giỏi), củng cố các tiêu chí trường chuẩn quốc gia; tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật trang thiết bị dạy học theo hướng hiện đại, phần đầu 05 phòng học được lắp đặt các thiết bị dạy học hiện đại (tivi, máy chiếu).

- Xây dựng các mô hình hoạt động tạo quỹ giúp đỡ học sinh nghèo (vườn hoa Liên đội, kế hoạch nhỏ; vườn rau yêu thương...); xây dựng các mô hình thể dục, thể thao rèn luyện thể lực cho học sinh.

d.2. Mục tiêu trung hạn

- Năm học 2022-2023 đến năm học 2024-2025, tiếp tục củng cố cơ sở vật chất, kỹ thuật trang thiết bị dạy học hiện đại, đến cuối năm 2024 có 100% phòng học, phòng học bộ môn được lắp đặt các thiết bị dạy học hiện đại (tivi, máy chiếu).

- Giữ vững chất lượng đại trà, nâng cao chất lượng mũi nhọn; đồng thời, hàng năm có trên 90% số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở vào học lớp 10 hệ phổ thông công lập.

d.3. Mục tiêu dài hạn

Từ năm 2025 trở đi, nhà trường đạt được các mục tiêu sau:

- Chất lượng giáo dục toàn diện được khẳng định là một trong những trường mạnh phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi;

- Học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở có đủ kiến thức, kỹ năng để vào học bậc trung học phổ thông và các trường Nghề.

- Đến năm 2029, Trường THCS Nguyễn Nghiêm là Trung tâm văn hóa của Phường Đức Phổ.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường THCS Nguyễn Nghiêm phường Đức Phổ có tiền thân là Trường Chuyên trung học cơ sở Nguyễn Nghiêm được thành lập năm 1995, tọa lạc tại Khối 3, thị trấn Đức Phổ, huyện Đức Phổ theo Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 28/4/1995 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc đổi tên Trường chuyên và thí nghiệm thực hành Đức Phổ. Đến năm 2000, UBND huyện Đức Phổ (nay là thị xã Đức Phổ) có Quyết định số 520/QĐ-UB ngày 28/8/2000 về việc sáp nhập trường THCS thị trấn Đức Phổ vào trường THCS Nguyễn Nghiêm và mang tên Trường THCS Nguyễn Nghiêm; với 02 cơ sở có tổng diện tích 6.651m².

Năm học 2016 - 2017, trường chuyển dời lên vị trí mới thuộc Tổ dân phố 4, Phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ với 01 cơ sở và tổng diện tích là 11.636m². Khi đó, trường có tổng 16 lớp với 496 học sinh và 34 cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên.

Năm học 2021-2022, Trường có 19 lớp với 668 học sinh, 36 cán bộ, giáo viên và nhân viên. Có 04 tổ chuyên môn là Toán tin, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội và Ngoại ngữ. Diện tích vườn trường 10.636 m², có 16 phòng học, 08 phòng bộ môn và cơ bản đủ phòng chức năng và phòng làm việc.

Năm học 2022-2023, Trường có 19 lớp với 685 học sinh, 36 cán bộ, giáo viên và nhân viên gồm Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, 03 nhân viên.

Năm học 2023-2024, Trường có 20 lớp với 736 học sinh, 40 cán bộ, giáo viên và nhân viên gồm Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, 03 nhân viên.

Năm học 2024-2025, Trường có 19 lớp với 695 học sinh. Nhà trường có đủ 04 tổ chuyên môn là Toán tin, Khoa học Tự nhiên, Khoa học Xã hội, Ngoại ngữ và 01 Tổ Văn phòng với 43 cán bộ, giáo viên, nhân viên. Trong đó có 01 Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng.

Năm học 2025-2026, Trường có 21 lớp với 778 học sinh. Nhà trường có đủ 04 tổ chuyên môn là Toán tin, Khoa học Tự nhiên, Khoa học Xã hội, Ngoại ngữ và 01 Tổ Văn phòng với 44 cán bộ, giáo viên, nhân viên. Trong đó có 01 Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng, hợp đồng 01 giáo viên GDTC.

Trong những năm qua, công tác dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục luôn được nhà trường tập trung đầu tư cao nhất. Việc đào tạo chất lượng học sinh giỏi được chú trọng. Chất lượng giáo dục toàn diện được nâng lên, tỉ lệ học sinh khá, giỏi ngày càng tăng. Học sinh lớp 9 tốt nghiệp THCS 100%, tiếp tục học ở bậc phổ thông trung học 88,5% và học nghề ngày càng đông, học sinh thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng tăng dần.

Chi bộ nhà trường có 33 đồng chí. Năm 2025, chi bộ được công nhận Hoàn thành tốt xuất sắc nhiệm vụ. Chi bộ được Đảng uỷ phường Đức Phổ công nhận Chi bộ thực hiện Tốt phong trào 4 Tốt giai đoạn 2022-2025. Được Đảng uỷ phường khen tặng là tập thể có thành tích xuất sắc trong học tập và làm theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh năm 2025.

Chi đoàn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 5 năm (2021, 2022, 2023, 2024, 2025). Liên đội nhà trường đạt và giữ vững Liên đội mạnh cấp thị xã và phường.

Năm học 2024-2025, đơn vị được Chủ tịch UBND thị xã Đức Phổ công nhận Tập thể lao động Tiên tiến và tặng giấy khen; Chủ tịch UBND tỉnh công nhận Tập thể lao động xuất sắc.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

Họ và tên: Hồ Thanh Hùng

Chức vụ: Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Tổ dân phố 4, Phường Đức Phổ

Số điện thoại: 0384742719

Địa chỉ thư điện tử: c2nguyennghiem.quangngai@moet.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 28/4/1995 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc đổi tên Trường chuyên và thí nghiệm thực hành Đức Phổ; đến năm 2000;

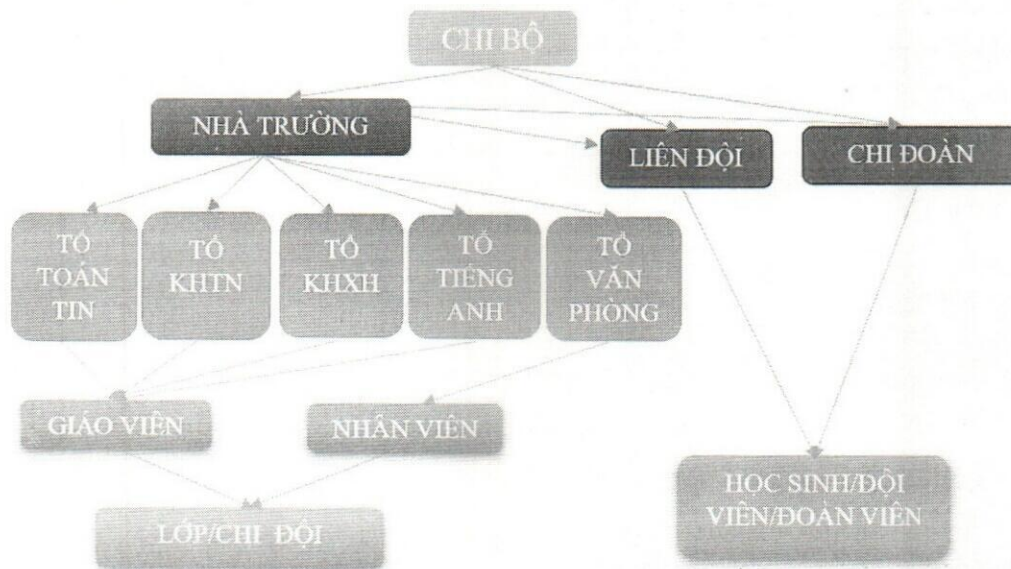
b) Quyết định số 520/QĐ-UB ngày 28/8/2000 về việc sáp nhập trường THCS thị trấn Đức Phổ vào trường THCS Nguyễn Nghiêm và mang tên Trường THCS Nguyễn Nghiêm;

c) Về cơ cấu lãnh đạo nhà trường năm học 2025-2026: Ông Hồ Thanh Hùng- Hiệu trưởng; ông Nguyễn Mạnh Cung và Nguyễn Hữu Hùng- Phó Hiệu trưởng.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục:

Thực hiện Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư Số: 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

e) Sơ đồ tổ chức bộ máy của Trường THCS Nguyễn Nghiêm



8. Các văn bản khác của Nhà trường:

- Phương hướng Chiến lược xây dựng và phát triển giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030;

- Phương hướng nhiệm vụ năm học 2025-2026 Số 01/PHNV-THCSNN, ngày 11 tháng 10 năm 2025.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo				Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				Thay đổi so với năm 2024-2025
			Th S	Đ H	CD	TC		Hạng III	Hạng g II	Hạng I	Tổ t	Kh á	Hoà n	Khôn g

							Hạng VI						thành	hoàn thành	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	44	0	43	1	0	2	20	22	0	26	0	0	0	Tổng số 44; Tăng 01 giáo viên hợp đồng
	Giáo viên: 38														
I	Trong đó số giáo viên dạy môn:														
1	Toán	6		6											
2	Vật lý	2		2											
3	Hóa học	2		2											
4	Sinh học	3		3											
5	Tiếng Anh	4		4											
6	GDCD	0		0											Giáo viên LS&ĐL kiêm nhiệm
7	Lịch sử	2		2											
8	Địa lý	4		4											
9	Tin học	1		1											
10	Âm nhạc	2		2											
11	Mĩ thuật	0		0											Giáo viên âm nhạc kiêm nhiệm
12	GDTC	3		3											01 Giáo viên hợp đồng
13	Ngữ văn	7		7					3						
14	Công nghệ	2		2				1							
15	Tổng phụ trách Đội	0		0				1							Giáo viên GDTC kiêm nhiệm
II	Cán bộ quản lý														Không
1	Hiệu trưởng	1		1					1						

2	Phó Hiệu trưởng	2		2					2					Thiếu 1
III Nhân viên														
1	Nhân viên kế toán – Văn thư	1		1										
2	Nhân viên y tế- Thủ quỹ	0				0								Thiếu 01
3	Nhân viên thư viện - thiết bị	1				1								
4	Giáo vụ	0				0								Thiếu 01

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	18	1,48m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	18	64 m ²
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	8	96 m ²
6	Số phòng bộ môn dùng chung	0	-
7	Bình quân lớp/phòng học	0,85	-
8	Bình quân học sinh/lớp	3,9	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	10.636 m ²	13,63 m ² /học sinh
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	3183m ²	4m ² / học sinh
VI	Số lượng các phòng theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT	Số lượng	Ghi chú
1	Khối phòng hành chính quản trị		
	Phòng Hiệu trưởng	1	
	Phòng Phó Hiệu trưởng	2	
	Văn phòng	1	

	Phòng bảo vệ	1	
	Phòng của các tổ chức Đảng, đoàn thể	1	Thiếu 01
	Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên	1	
	Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên	1	
2	Khối phòng học tập	Số lượng	Diện tích bình quân
	Phòng học	18	64 m ² / phòng
	Phòng học bộ môn Âm nhạc	1	96m ² / phòng
	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	1	96m ² / phòng
	Phòng học bộ môn Công nghệ	1	104,4m ² / phòng
	Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên	3	104,4m ² / phòng
	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội	0	
	Phòng học bộ môn Tin học	1	104,4m ² / phòng
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	2	96m ² / phòng
	Phòng bộ môn dùng chung	1	48m ² / phòng
3	Khối phòng hỗ trợ học tập		
	Thư viện	1 (84m ²)	Đạt chuẩn mức 1 theo QĐ số 55/QĐ-PGDĐT
	Phòng thiết bị giáo dục	1	
	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	1	
	Phòng truyền thống	0	
4	Phòng Đoàn, Đội	1	
	Khối phụ trợ		
	Phòng họp	1	
	Phòng các tổ chuyên môn	1	
	Phòng Y tế trường học	1	
	Phòng nghỉ giáo viên	0	Thiếu 02
	Phòng giáo viên	1	
	Nhà kho	2	
	Khu để xe học sinh	2	
	Khu vệ sinh học sinh	1	
	Cổng	2	Cổng chính và phụ
	Hàng rào	1	
5	Khu sân chơi, thể dục thể thao		Bình quân

	Sân chơi	3183m ²	4m ² / học sinh
	Sân tập (đã trang bị đủ dụng cụ tập và đã kiên cố hoá tháng 12/2025)	2447 m ²	3,1m ² / học sinh
	Nhà đa năng	0	
6	Hạ tầng kĩ thuật		
	Hệ thống cấp nước sạch	0	
	Hệ thống cấp điện	1	
	Hệ thống phòng cháy, chữa cháy		Thiếu thiết kế PCCC các khối phòng
	Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc	02 đường truyền mạng	Chưa thật tốt
	Khu thu gom và xử lý rác thải		Xe môi trường xử lý thường xuyên
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	Số bộ/khối	Tỉ lệ đáp ứng
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	1	60%
1.2	Khối lớp 7	1	60%
1.3	Khối lớp 8	1	60%
1.4	Khối lớp 9	1	60%
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6	1	40%
2.2	Khối lớp 7	1	40%
2.3	Khối lớp 8	1	40%
2.4	Khối lớp 9	1	40%
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		Số học sinh/bộ
1	Phòng học	18	
2	Phòng bộ môn Tin	40	
3	Phòng bộ môn khác	8	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	24	24/21
2	Cát xét	0	0
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	0
4	Máy chiếu	2	

5	Màn hình đa chức năng	3	Phòng họp			
6	Hệ thống bảng tương tác	2	Thư viện, phòng tiếng anh			
7	Hệ thống âm thanh (lớn)	2				
8	Loa kéo lớn	1				
9	Loa kéo nhỏ (Thư viện)	1	Hồng			
X	Tổng số thiết bị đang sử dụng	Số lượng	Số thiết bị/lớp			
1	Ti vi	24	24/21			
2	Cát xét	0				
3	Đầu Video/đầu đĩa	0				
4	Máy chiếu	2				
5	Máy vi tính	71				
6	Màn hình đa chức năng	3	Phòng họp			
7	Hệ thống bảng tương tác	2	Ngoại ngữ, Thư viện			
8	Máy photo	3	Thư viện, văn phòng			
9	Máy in	8	(Phòng BM lý 1, Văn phòng 1, HT 1, PHT 2, Thư viện 1, Y tế 1, Tổ chuyên môn 1)			
10	Máy scan	1	Văn phòng			
11	Hệ thống âm thanh (lớn)	2				
12	Loa kéo lớn	1				
13	Loa kéo nhỏ (Thư viện)	1	Hồng			
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1	0	1	0	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(*Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
--	-----------------	-----------	--------------

XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	2 đường truyền	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	https://c2nguyennghiem-ducpho.quangngai.edu.vn/	
XIX	Tường rào xây	Đảm bảo theo quy định	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Có 28/28 tiêu chí đạt mức 01 (tỉ lệ 100%); 28/28 tiêu chí đạt mức 02 (tỉ lệ 100%); 07/20 tiêu chí đạt mức 03 (tỉ lệ 35%). Cụ thể như sau:

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả				Kế hoạch cải tiến
	Nội dung	Đạt			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	
Tiêu chuẩn 1	Tổ chức và quản lý nhà trường.				
Tiêu chí 1.1	Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	Đạt	Đạt		
Tiêu chí 1.2	Hội đồng trường và các hội đồng khác	Đạt	Đạt		
Tiêu chí 1.3	Đảng cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và các tổ chức khác trong nhà trường.	Đạt	Đạt		
Tiêu chí 1.4	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	Đạt	Đạt		
Tiêu chí 1.5	Lớp học	Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 1.6	Quản lý hành chính, tài chính và tài sản.	Đạt	Đạt		
Tiêu chí 1.7	Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.	Đạt	Đạt		
Tiêu chí 1.8	Quản lý các hoạt động giáo dục	Đạt	Đạt		
Tiêu chí 1.9	Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	Đạt	Đạt		
Tiêu chí 1.10	Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.	Đạt	Đạt		

Tiêu chuẩn 2	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh				
Tiêu chí 2.1	Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	Đạt	Đạt		
Tiêu chí 2.2	Đối với giáo viên	Đạt	Đạt		
Tiêu chí 2.3	Đối với nhân viên	Đạt	Đạt		
Tiêu chí 2.4	Đối với học sinh	Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chuẩn 3	Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học				
Tiêu chí 3.1	Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập	Đạt	Đạt		
Tiêu chí 3.2	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 3.3	Khối hành chính – quản trị	Đạt	Đạt		
Tiêu chí 3.4	Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	Đạt	Đạt		
Tiêu chí 3.5	Thiết bị	Đạt	Đạt		
Tiêu chí 3.6	Thư viện	Đạt	Đạt		
Tiêu chuẩn 4	Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.				
Tiêu chí 4.1	Ban đại diện cha mẹ học sinh.	Đạt	Đạt		
Tiêu chí 4.2	Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, Chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	Đạt	Đạt		
Tiêu chuẩn 5	Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục				
Tiêu chí 5.1	Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông	Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 5.2	Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện	Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 5.3	Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định	Đạt	Đạt		

Tiêu chí 5.4	Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	Đạt	Đạt		
Tiêu chí 5.5	Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh	Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 5.6	Kết quả giáo dục.	Đạt	Đạt	Đạt	

- Mức đánh giá của cơ sở giáo dục: Mức 1. UBND tỉnh và Sở Giáo dục-Đào tạo công nhận Trường THCS Nguyễn Nghiêm đạt chuẩn mức độ 1 và đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 vào tháng 03/2025.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	778	193	169	221	195
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	746 95,9%	192 99,5%	154 91,1%	213 96,4%	187 95,9%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	31 3,98%	01 0,52%	15 8,88%	8 3,62%	7 3,59%
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	1 0,13%	0 0%	0 0%	0 0%	1 0,51%
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
5	Không xếp loại (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
II	Số học sinh chia theo học lực	778	193	169	221	195
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	340 43,7%	93 48,2%	65 38,5%	107 48,4%	31 29,8%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	293 37,3%	61 31,6%	63 37,3%	76 34,4%	46 44,2%
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	141 18,1%	38 19,7%	39 23,1%	37 16,7%	27 26%
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	4 0,51	01 0,51	2 1,18%	1 0,45%	0
5	Không xếp loại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0

III	Tổng hợp kết quả cả năm học 2025-2026					
1	Tổng số	778	193	169	221	195
a	Học sinh Xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	84 10,8%	23 11,9%	16 9,47%	34 15,4%	11 5,64%
b	Học sinh Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	256 32,9%	70 36,27 %	49 28,99 %	73 33,03 %	64 32,82 %
2	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	4 0,51%	1 0,52%	2 1,18%	1 0,45%	0
3	Chuyển trường đến/đi	0	0	0	0	0
4	Bị bệnh bảo lưu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
5	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	2	1	1	0	0
6	Mất vì bệnh	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	-				
1	Cấp phường	25	-	-	-	25
2	Cấp tỉnh/thành phố	16	-	-	-	16
V	Số học sinh, giáo viên, nhân viên đạt giải các kỳ thi, cuộc thi khác	11				
1	Cấp phường	2				
2	Cấp tỉnh/thành phố	9				
3	Cấp Quốc gia/ Dự án	0				
VI	Tỷ lệ học sinh thi đỗ vào 10 và phân luồng học sinh	LK, ĐP1	LTV	ĐP2	Số lượng	Tỷ lệ
1	Vào 10	131	37	1	169/191	88,5%
2	Học nghề				26/191	13,6%
VI	Số học sinh nam/số học sinh nữ	407/371	101/92	95/74	104/117	107/88
VII	Số học sinh dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các chỉ số đánh giá về tài chính

Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	9,452,046,500	7,957,905,330
Chỉ số tăng trưởng bền vững		

2. Kết quả thu chi hoạt động

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	9,950,733,000	10,138,018,500
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư	9,950,733,000	10,138,018,500
	Số dư năm trước chuyển sang	98,733,000	335,161,000
	Ngân sách NN cấp	9,852,000,000	9,802,857,500
II	Thu giáo dục và đào tạo	0	0
1	Học phí, lệ phí từ người học		
1.1	Số dư năm 2025 chuyển sang		
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
4	Thu khác		
III	Thu khoa học và công nghệ	0	0
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
3	Thu khác		
IV	Thu khác (thu nhập ròng)		
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	9,950,733,000	10,036,625,500
I	Chi lương, thu nhập	8,362,053,000	8,099,952,375
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	8,312,778,000	8,058,998,375
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	49,275,000	40,954,000
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	950,000,000	1,639,653,925
1	Chi cho đào tạo		
2	Chi cho nghiên cứu		
3	Chi cho phát triển đội ngũ		
4	Chi phí chung và chi khác	950,000,000	1,639,653,925
III	Chi hỗ trợ người học	636,680,000	274,400,000
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	21,000,000	11,400,000
2	Chi hoạt động nghiên cứu		
3	Chi hoạt động khác: Cấp bù học phí	615,680,000	263,000,000
IV	Chi khác	2,000,000	22,619,200

C	CHÊNH LỆCH THU CHI	0	101,393,000
---	--------------------	---	-------------

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Tập trung xây dựng Kế hoạch thực hiện cải tiến chất lượng một số tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục và đảm bảo đạt:

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu mức 3: 20/20 tiêu chí, đạt tỉ lệ 100% vào năm 2029
- Số lượng các tiêu chí đạt mức 4: 03/06 tiêu chí, tỉ lệ 50%.

VIII. DỰ KIẾN CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHUẨN TỪ NĂM 2026:

- Xây dựng kế hoạch hành động thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục theo lộ trình, giữ vững trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 và hoàn thành đạt Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 đến năm 2029.

- Về cơ sở vật chất, thực hiện dần các nội dung sau:

Tham mưu UBND phường đầu tư hoàn thiện thiết kế phòng cháy chữa cháy theo quy định; làm hệ thống thoát nước trong khuôn viên trường; xây dựng nhà thi đấu Đa năng; Mở rộng khuôn viên trường về phía Đông và xây tường rào lát gạch sân trường khu vực mở rộng phía Đông; Đề nghị cấp thẩm quyền cấp Sổ (thể hiện quyền sử dụng đất cho trường); Đề nghị cấp thẩm quyền xây dựng bổ sung 08 phòng học .

Bổ sung thiết bị giáo dục và tài nguyên thông tin thư viện; nâng cấp hệ thống CNTT ứng dụng vào hoạt động thư viện số, dạy học số; bổ sung máy vi tính phòng tin và vào các phòng học. Xây dựng thư viện đạt chuẩn mức độ 2.

Nơi nhận:

- UBND phường;
- CB, GV, NV trường;
- CMHS trường và HS;
- Lưu VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Hồ Thanh Hùng